

Số: 0886 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00830.20



VILAS 465

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG - CHI NHÁNH TÂY NINH.

Địa chỉ : TỔ 15, ĐƯỜNG ĐT 782, ÁP PHƯỚC ĐỨC B, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.

Người lấy mẫu : Võ Thị Trúc Linh

Địa điểm lấy mẫu : Vòi nước tại Phòng thí nghiệm.

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 15/10/2020

Lượng mẫu : 4,5 lít

Ngày nhận mẫu : 15/10/2020

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	6,95	6,0 - 8,5	15/10/2020
2	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	15/10/2020
3	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	15/10/2020
4	Độ đục	SMEWW 2130 B - 2017	0,07 NTU	≤ 2,0 NTU	16/10/2020
5	Màu sắc	SMEWW 2120 C - 2017	0,00 TCU	≤ 15 TCU	16/10/2020
6	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C - 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	20/10/2020
7	Clo dư	Clo test/Martini instruments	0,42 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	15/10/2020
8	E.coli	TCVN 6187 - 1 : 2009 (*) (ISO 9308-1:2000)	0 CFU/100ml	< 1 CFU/100 ml	15/10/2020
9	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 - 1 : 2009 (*) (ISO 9308-1:2000)	0 CFU/100ml	< 3 CFU/100 ml	15/10/2020

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

Tây Ninh, ngày 26 tháng 10 năm 2020

P.KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Anh Vũ



Tô Thành Tài



Số: 0887 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00831.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG - CHI NHÁNH TÂY NINH.

Địa chỉ : TỔ 15, ĐƯỜNG ĐT 782, ÁP PHƯỚC ĐỨC B, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.

Người lấy mẫu : Võ Thị Trúc Linh

Địa điểm lấy mẫu : KTX 100 căn.

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 15/10/2020

Lượng mẫu : 4,5 lít

Ngày nhận mẫu : 15/10/2020

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	6,96	6,0 - 8,5	15/10/2020
2	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	15/10/2020
3	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	15/10/2020
4	Độ đục	SMEWW 2130 B - 2017	0,06 NTU	≤ 2,0 NTU	16/10/2020
5	Màu sắc	SMEWW 2120 C - 2017	1,27 TCU	≤ 15 TCU	16/10/2020
6	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C - 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	20/10/2020
7	Clo dư	Clo test/Martini instruments	0,29 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	15/10/2020
8	E.coli	TCVN 6187 - 1 : 2009 (*) (ISO 9308-1:2000)	0 CFU/100ml	< 1 CFU/100 ml	15/10/2020
9	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 - 1 : 2009 (*) (ISO 9308-1:2000)	0 CFU/100ml	< 3 CFU/100 ml	15/10/2020

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

Tây Ninh, ngày 26 tháng 10 năm 2020

P.KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Anh Vũ



Tô Thanh Tài



Số: 0888 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00832.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG - CHI NHÁNH TÂY NINH.

Địa chỉ : TỔ 15, ĐƯỜNG ĐT 782, ÁP PHƯỚC ĐỨC B, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.

Người lấy mẫu : Võ Thị Trúc Linh

Địa điểm lấy mẫu : Công ty HA.VINA

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 15/10/2020

Lượng mẫu : 4,5 lít

Ngày nhận mẫu : 15/10/2020

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,01	6,0 - 8,5	15/10/2020
2	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	15/10/2020
3	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	15/10/2020
4	Độ đục	SMEWW 2130 B - 2017	0,05 NTU	≤ 2,0 NTU	16/10/2020
5	Màu sắc	SMEWW 2120 C - 2017	0,00 TCU	≤ 15 TCU	16/10/2020
6	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C - 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	20/10/2020
7	Clo dư	Clo test/Martini instruments	0,36 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	15/10/2020
8	E.coli	TCVN 6187 - 1 : 2009 (*) (ISO 9308-1:2000)	0 CFU/100ml	< 1 CFU/100 ml	15/10/2020
9	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 - 1 : 2009 (*) (ISO 9308-1:2000)	0 CFU/100ml	< 3 CFU/100 ml	15/10/2020

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

P.KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN

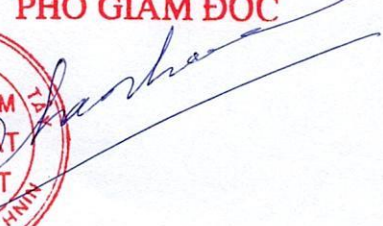

Nguyễn Anh Vũ

Tây Ninh, ngày 26 tháng 10 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Tô Thanh Tài



Số: 0889 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00833.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG - CHI NHÁNH TÂY NINH.
Địa chỉ : TỔ 15, ĐƯỜNG ĐT 782, ÁP PHƯỚC ĐỨC B, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.
Tên mẫu : NƯỚC THỒ
Lượng mẫu : 3,0 lít
Ngày nhận mẫu : 15/10/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	6,87	6,0 - 8,5	15/10/2020
2	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	15/10/2020
3	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	15/10/2020
4	Độ đục	SMEWW 2130 B - 2017	2,59 NTU	≤ 5,0 NTU	16/10/2020
5	Màu sắc	SMEWW 2120 C - 2017	119,53 TCU	≤ 15 TCU	16/10/2020
6	Hàm lượng Sắt tổng cộng (Fe2+ + Fe3+)	SMEWW 3500 - Fe B - 2017	0,63 mg/L	≤ 0,5 mg/L	16/10/2020
7	Hàm lượng Florua (F-)	SMEWW 4500 - F - D - 2017	0,00 mg/L	≤ 1,5 mg/L	16/10/2020
8	Hàm lượng Amoni (NH4+)	SMEWW 4500 - NH3 B - 2017	0,31 mg/L	≤ 3,0 mg/L	16/10/2020
9	Hàm lượng Clorua (Cl-)	SMEWW 4500 - Cl B - 2012 (*)	5,00 mg/L	≤ 300 mg/L	16/10/2020
10	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 C - 2012 (*)	22,00 mg/L	≤ 350 mg/L	16/10/2020
11	Chỉ số Pecmanganat (O ₂)	TCVN 6186 : 1996	0,00 mg/L	≤ 4,0 mg/L	16/10/2020
12	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C - 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	20/10/2020
13	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 - 1 : 2009 (*) (ISO 9308-1:2000)	0 CFU/100ml	50 / 100 ml	15/10/2020
14	Escherichia coli	TCVN 6187 - 1 : 2009 (*) (ISO 9308-1:2000)	0 CFU/100ml	00 / 100 ml	15/10/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Tiêu chuẩn theo QCVN 02:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.

Mã số mẫu: 00833.20

Tây Ninh, ngày 26 tháng 10 năm 2020

P.KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN



Nguyễn Anh Vũ

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tô Thanh Tài

